

Phụ lục
Kết quả chấm phúc khảo Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2026 - 2027
(Kèm theo Công văn số 2691/SGDDT-QLCLCNTT ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Bài thi các môn trung học phổ thông

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Hội đồng coi thi	Môn phúc khảo	Điểm trước phúc khảo	Điểm kết luận sau phúc khảo
1	014182	Hà Hoàng Lan	09/8/2011	Trường THPT Bê Văn Đàn	Ngữ văn	4,00	4,00
2	014045	Hoàng Ngọc Bích	26/8/2011	Trường THPT Bê Văn Đàn	Ngữ văn	5,50	5,50
3	118043	Hoàng Bách Nguyên	24/11/2011	Trường THPT Nà Bao	Ngữ văn	3,00	3,00
4	118022	Triệu Thúy Hằng	03/4/2011	Trường THPT Nà Bao	Ngữ văn	3,50	3,50
5	118046	Bản Đào Pu	27/12/2010	Trường THPT Nà Bao	Ngữ văn	4,00	4,00
6	118045	Trương Thái Quốc Phi	25/6/2011	Trường THPT Nà Bao	Ngữ văn	2,75	2,75
7	158096	Vi Kim Hoàng	01/3/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Ngữ văn	4,25	4,25
8	007044	Nông Thị Hồng Anh	05/02/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	6,75	6,75
9	007554	Hà Diệp Trúc	03/4/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	7,50	7,50
10	095114	Triệu Thị Phương Linh	25/9/2011	Trường THPT Hòa An	Ngữ văn	2,50	2,50
11	007129	Đoàn Phương Dung	05/7/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	7,00	7,00
12	007321	Đoàn Thị Ngọc Linh	02/10/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	7,25	7,25
13	014157	Ngô Khải Huy	12/5/2011	Trường THPT Bê Văn Đàn	Ngữ văn	3,25	3,25
14	007249	Đinh Mạnh Hùng	24/5/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	7,50	7,50
15	101029	Hoàng Văn Huy	29/11/2011	Trường THPT Bản Ngà	Ngữ văn	2,25	2,25
16	007475	Trần Nguyễn Danh Quân	28/6/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	8,25	8,25
17	007107	Trương Lan Chi	08/10/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	6,00	6,00

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Hội đồng coi thi	Môn phúc khảo	Điểm trước phúc khảo	Điểm kết luận sau phúc khảo
18	007195	Nguyễn Thu Hà	23/10/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	7,00	7,00
19	007273	Trần Đức Huy	12/02/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	6,50	6,50
20	007278	Nông Thị Diệu Huyền	30/4/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	7,75	7,75
21	074192	Lục Thị Phương Uyên	27/02/2011	Trường THPT Hạ Lang	Ngữ văn	3,75	3,75
22	074221	Trần Hoàng Lâm	14/4/2011	Trường THPT Hạ Lang	Ngữ văn	4,00	4,00
23	003245	Đặng Ma Thái Sơn	05/02/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Ngữ văn	5,00	5,00
24	003049	Mông Mai Chi	28/7/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Ngữ văn	6,50	6,50
25	003147	Hà Minh Khuê	03/11/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Ngữ văn	7,25	7,25
26	003186	Nguyễn Thị Hồng Minh	05/9/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Ngữ văn	7,75	7,75
27	003206	Nông Thế Ngọc	28/01/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Ngữ văn	6,00	6,00
28	003305	Long Anh Tùng	06/6/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Ngữ văn	4,25	4,25
29	003227	Hà Gia Phúc	20/3/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Ngữ văn	5,50	5,50
30	003226	Cù Ngọc Hoàng Phúc	27/8/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Ngữ văn	5,25	5,25
31	200016	Lâm Hoàng Bảo Châu	22/02/2011	Trường THPT Đàm Quang Trung	Ngữ văn	5,50	5,50
32	050059	Mã Thanh Hùng	07/6/2011	Trường THPT Pò Tầu	Ngữ văn	3,5	3,50
33	050028	Nông Hoàng Dương	03/5/2011	Trường THPT Pò Tầu	Ngữ văn	6,25	6,25
34	158123	Ma Kiên Khải	18/11/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Ngữ văn	3,25	3,25
35	158352	Triệu Đàm Diệp Loan	21/5/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Ngữ văn	7,00	7,00
36	158362	Nông Lục Nam	08/11/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Ngữ văn	5,00	5,00
37	158348	Vương Thị Thu Liễu	05/3/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Ngữ văn	7,50	7,50

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Hội đồng coi thi	Môn phúc khảo	Điểm trước phúc khảo	Điểm kết luận sau phúc khảo
38	158289	Hồng Thúy Xuân	27/7/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Ngữ văn	2,25	2,25
39	118043	Hoàng Bách Nguyên	24/11/2011	Trường THPT Nà Bao	Tiếng Anh	3,75	3,75
40	118011	Ma Thành Doanh	07/10/2011	Trường THPT Nà Bao	Tiếng Anh	1,50	1,50
41	118022	Triệu Thúy Hằng	03/4/2011	Trường THPT Nà Bao	Tiếng Anh	3,25	3,25
42	118046	Bàn Đào Pu	27/12/2010	Trường THPT Nà Bao	Tiếng Anh	2,00	2,00
43	118045	Trương Thái Quốc Phi	25/6/2011	Trường THPT Nà Bao	Tiếng Anh	2,50	2,50
44	158352	Triệu Đàm Diệp Loan	21/5/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Tiếng Anh	5,50	5,50
45	158348	Vương Thị Thu Liễu	05/3/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Tiếng Anh	6,75	6,75
46	158096	Vì Kim Hoàng	01/3/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Tiếng Anh	2,25	2,25
47	158297	Liêu Gia Bảo	20/8/2011	Trường THPT Phục Hòa	Tiếng Anh	7,00	7,00
48	007185	Đào Khánh Hà	19/10/2011	Trường THPT Chuyên	Tiếng Anh	7,25	7,25
49	007321	Đoàn Thị Ngọc Linh	02/10/2011	Trường THPT Chuyên	Tiếng Anh	8,00	8,00
50	158289	Hồng Thúy Xuân	27/7/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Tiếng Anh	3,75	3,75
51	007135	Lê Ánh Dương	03/02/2011	Trường THPT Cao Bình	Tiếng Anh	7,75	7,75
52	050059	Mã Thanh Hùng	07/6/2011	Trường THPT Pò Tầu	Tiếng Anh	3,00	3,00
53	050028	Nông Hoàng Dương	03/5/2011	Trường THPT Pò Tầu	Tiếng Anh	1,50	1,50
54	003049	Mông Mai Chi	28/7/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Tiếng Anh	3,75	3,75
55	003227	Hà Gia Phúc	20/3/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Tiếng Anh	4,00	4,00
56	014157	Ngô Khải Huy	12/5/2011	Trường THPT Bề Văn Đàn	Tiếng Anh	4,75	4,75
57	015033	Hà Thị Diễm	09/11/2011	Trường THPT Cao Bình	Tiếng Anh	2,75	2,75

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Hội đồng coi thi	Môn phúc khảo	Điểm trước phúc khảo	Điểm kết luận sau phúc khảo
58	003186	Nguyễn Thị Hồng Minh	05/9/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Tiếng Anh	5,00	5,00
59	015205	Đặng Bảo Trâm	05/6/2011	Trường THPT Cao Bình	Tiếng Anh	4,50	4,50
60	003039	Nông Đặng Bảo Châm	27/01/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Tiếng Anh	5,50	5,50
61	003132	Lê Khánh Huyền	22/10/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Tiếng Anh	4,00	4,00
62	014182	Hà Hoàng Lan	09/8/2011	Trường THPT Bề Văn Đàn	Tiếng Anh	2,50	2,50
63	014045	Hoàng Ngọc Bích	26/8/2011	Trường THPT Bề Văn Đàn	Tiếng Anh	3,50	3,50
64	015166	Hoàng Quỳnh Phương	14/11/2011	Trường THPT Cao Bình	Tiếng Anh	4,75	4,75
65	003305	Long Anh Tùng	06/6/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Tiếng Anh	6,00	6,00
66	050059	Mã Thanh Hùng	07/6/2011	Trường THPT Pò Tầu	Toán	1,25	1,25
67	050028	Nông Hoàng Dương	03/5/2011	Trường THPT Pò Tầu	Toán	1,25	1,25
68	158289	Hồng Thúy Xuân	27/7/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Toán	0,25	0,25
69	158123	Ma Kiên Khải	18/11/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Toán	1,75	1,75
70	003049	Mông Mai Chi	28/7/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Toán	6,75	6,75
71	158297	Liêu Gia Bảo	20/8/2011	Trường THPT Phục Hòa	Toán	7,50	7,50
72	003147	Hà Minh Khuê	03/11/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Toán	3,75	3,75
73	158348	Vương Thị Thu Liễu	05/3/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Toán	7,75	7,75
74	158352	Triệu Đàm Diệp Loan	21/5/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Toán	5,50	5,50
75	158096	Vì Kim Hoàng	01/3/2011	Trường THPT Quảng Uyên	Toán	4,00	4,00
76	095114	Triệu Thị Phương Linh	25/9/2011	Trường THPT Hòa An	Toán	2,75	2,75
77	003186	Nguyễn Thị Hồng Minh	05/9/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Toán	4,25	4,25

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Hội đồng coi thi	Môn phúc khảo	Điểm trước phúc khảo	Điểm kết luận sau phúc khảo
78	003132	Lê Khánh Huyền	22/10/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Toán	5,00	5,00
79	003227	Hà Gia Phúc	20/3/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Toán	7,00	7,00
80	003245	Đặng Ma Thái Sơn	05/02/2011	Trường THPT thành phố Cao Bằng	Toán	6,25	6,25
81	118010	Đào Hoàng Bảo Chung	25/9/2011	Trường THPT Nà Bao	Toán	0,50	0,50
82	118011	Ma Thành Doanh	07/10/2011	Trường THPT Nà Bao	Toán	0,50	0,50
83	015033	Hà Thị Diễm	09/11/2011	Trường THPT Cao Bình	Toán	1,75	1,75
84	118022	Triệu Thúy Hằng	03/4/2011	Trường THPT Nà Bao	Toán	1,50	1,50
85	118046	Bàn Đào Pu	27/12/2010	Trường THPT Nà Bao	Toán	1,25	1,25
86	118045	Trương Thái Quốc Phi	25/6/2011	Trường THPT Nà Bao	Toán	0,50	0,50
87	015166	Hoàng Quỳnh Phương	14/11/2011	Trường THPT Cao Bình	Toán	4,50	4,50
88	118043	Hoàng Bách Nguyên	24/11/2011	Trường THPT Nà Bao	Toán	1,00	1,00
89	023087	Lý Huy Hoàng	20/10/2011	Trường THPT Bảo Lạc	Toán	0,75	0,75
90	014182	Hà Hoàng Lan	09/8/2011	Trường THPT Bè Văn Đàn	Toán	4,25	4,25
91	007554	Hà Diệp Trúc	03/4/2011	Trường THPT Chuyên	Toán	7,25	7,25
92	014045	Hoàng Ngọc Bích	26/8/2011	Trường THPT Bè Văn Đàn	Toán	1,25	1,25
93	014157	Ngô Khải Huy	12/5/2011	Trường THPT Bè Văn Đàn	Toán	2,75	2,75
94	007083	Tăng Bảo Châu	16/9/2011	Trường THPT Chuyên	Toán	6,25	6,25
95	007249	Đinh Mạnh Hùng	24/5/2011	Trường THPT Chuyên	Toán	8,50	8,50
96	007246	Phón Thu Hồng	09/3/2011	Trường THPT Chuyên	Toán	5,50	5,50
97	007044	Nông Thị Hồng Anh	05/02/2011	Trường THPT Chuyên	Toán	8,50	8,50

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Hội đồng coi thi	Môn phúc khảo	Điểm trước phúc khảo	Điểm kết luận sau phúc khảo
----	-----	-----------	-----------	------------------	---------------	----------------------	-----------------------------

2. Bài thi các môn Trung học phổ thông Chuyên

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Hội đồng coi thi	Môn phúc khảo	Điểm trước phúc khảo	Điểm kết luận sau phúc khảo
1	007554	Hà Diệp Trúc	03/4/2011	Trường THPT Chuyên	Hóa học	3,25	3,25
2	007528	Ôn Mai Thúy	23/01/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	4,75	4,75
3	007437	Nông Yến Nhi	26/5/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	4,25	4,25
4	007460	Hoàng Thanh Phú	28/6/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	4,75	4,75
5	007107	Trương Lan Chi	08/10/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	3,25	3,25
6	007321	Đoàn Thị Ngọc Linh	02/10/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	6,00	6,00
7	007337	Trần Gia Linh	13/7/2011	Trường THPT Chuyên	Ngữ văn	5,00	5,00
8	007511	Hoàng Đức Thịnh	05/01/2011	Trường THPT Chuyên	Tiếng Anh	4,20	4,20
9	007506	Trần Thanh Thế	10/7/2011	Trường THPT Chuyên	Tiếng Anh	4,50	4,50
10	007025	Hoàng Thị Vân Anh	09/02/2011	Trường THPT Chuyên	Tiếng Anh	2,60	2,60
11	007475	Trần Nguyễn Danh Quân	28/6/2011	Trường THPT Chuyên	Tiếng Anh	3,90	3,90
12	007214	Vương Vũ Gia Hân	21/8/2011	Trường THPT Chuyên	Tiếng Anh	3,80	3,80
13	007044	Nông Thị Hồng Anh	05/02/2011	Trường THPT Chuyên	Tiếng Anh	4,00	4,00
14	007129	Đoàn Phương Dung	05/7/2011	Trường THPT Chuyên	Tiếng Anh	4,60	4,60
15	007195	Nguyễn Thu Hà	23/10/2011	Trường THPT Chuyên	Tiếng Anh	4,60	4,60
16	007250	Hoàng Duy Hưng	12/3/2011	Trường THPT Chuyên	Tiếng Anh	4,40	4,40
17	007273	Trần Đức Huy	12/02/2011	Trường THPT Chuyên	Toán	1,50	1,50

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Hội đồng coi thi	Môn phúc khảo	Điểm trước phúc khảo	Điểm kết luận sau phúc khảo
18	007347	Bùi Ngọc Thảo Ly	23/4/2011	Trường THPT Chuyên	Toán	5,25	5,25
19	007071	Phạm Thái Duy Bảo	27/02/2011	Trường THPT Chuyên	Toán	4,00	4,00
20	007130	Nông Thùy Dung	11/01/2011	Trường THPT Chuyên	Toán	5,25	5,25
21	007107	Trương Lan Chi	08/10/2011	Trường THPT Chuyên	Vật lí	0,25	0,25
22	007203	Bế Ngọc Hân	25/4/2011	Trường THPT Chuyên	Vật lí	3,50	3,50

Ấn định danh sách gồm 119 bài thi./.